

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-41

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng tiền thân là Công ty Du lịch Lâm Đồng được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5800271921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/12/2013, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Quốc Chính	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Bình Thanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Thiên Tường	Thành viên	
Ông Trịnh Bá Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/06/2021
Ông Nguyễn Đức Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2021
Bà Nguyễn Thị Kim Giang	Thành viên	
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	
Bà Đặng Ngọc Anh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Giang	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tạ Thị Diệu Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Xuân Nhàn	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lê Anh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2021
Bà Võ Thị Mỹ Trâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/06/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

Số: 230422.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng được lập ngày 20 tháng 04 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5305-2020-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		198.279.448.679	269.326.637.658
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.719.416.414	95.434.940.264
111	1. Tiền		16.619.416.414	68.534.940.264
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.000.000	26.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	47.901.065.659	47.615.651.178
121	1. Chứng khoán kinh doanh		46.437.735.396	45.840.950.808
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.463.330.263	1.774.700.370
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		110.423.222.218	104.554.786.711
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	62.855.595.204	67.516.007.093
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.408.009.890	4.752.598.804
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.567.788.000	148.288.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	39.883.670.874	32.960.436.189
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.291.841.750)	(822.543.375)
140	IV. Hàng tồn kho	10	18.015.580.998	15.783.847.756
141	1. Hàng tồn kho		18.015.580.998	15.783.847.756
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.220.163.390	5.937.411.749
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	343.680.512	663.960.193
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.070.354.651	571.154.921
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	3.806.128.227	4.702.296.635
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.100.465.187.494	1.119.412.225.756
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.466.250.000	8.450.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.466.250.000	8.450.000.000
220	II. Tài sản cố định		92.547.968.705	91.407.382.665
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	92.412.864.705	87.829.882.665
222	- Nguyên giá		234.287.862.656	217.157.673.529
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(141.874.997.951)	(129.327.790.864)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	135.104.000	3.577.500.000
228	- Nguyên giá		265.306.992	3.673.926.992
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(130.202.992)	(96.426.992)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	71.468.279.621	97.600.714.289
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		71.468.279.621	97.600.714.289
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	840.329.416.534	819.931.397.413
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		808.029.484.786	811.681.397.413
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		32.299.931.748	8.250.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		87.653.272.634	102.022.731.389
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	3.426.612.124	6.139.281.445
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		16.141.808	-
269	3. Lợi thế thương mại		84.210.518.702	95.883.449.944
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.298.744.636.173	1.388.738.863.414

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		235.650.758.048	384.747.576.409
310	I. Nợ ngắn hạn		125.751.230.842	134.640.280.023
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	69.506.768.363	67.679.443.820
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	2.688.084.242	907.524.678
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.191.069.285	6.842.146.335
314	4. Phải trả người lao động		6.799.422.130	8.125.566.742
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	15.272.972.390	6.233.153.172
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4.943.979	30.681.910
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	11.711.112.877	12.931.424.787
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	11.686.616.733	25.000.097.736
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.890.240.843	6.890.240.843
330	II. Nợ dài hạn		109.899.527.206	250.107.296.386
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	-	2.970.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	109.899.527.206	247.137.296.386
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.063.093.878.125	1.003.991.287.005
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.063.093.878.125	1.003.991.287.005
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		396.000.007.122	396.000.007.122
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		396.000.007.122	396.000.007.122
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		82.767.656.000	82.767.656.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.504.000.000	18.504.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		564.076.900.197	472.476.901.396
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		472.476.901.396	392.966.246.137
421b	LNST chưa phân phối năm nay		91.599.998.801	79.510.655.259
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.745.314.806	34.242.722.487
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.298.744.636.173	1.388.738.863.414

Phạm Thị Xuân Nhàn
Người lậpPhạm Thị Xuân Nhàn
Kế toán trưởngNguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	242.176.326.270	394.506.643.983
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.105.822.358	1.320.562.727
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		241.070.503.912	393.186.081.256
11	4. Giá vốn hàng bán	26	208.480.479.352	272.525.039.686
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.590.024.560	120.661.041.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	99.808.405.823	72.851.337.350
22	7. Chi phí tài chính	28	25.469.498.894	41.742.531.295
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.200.738.917	30.775.502.770
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		37.243.847.161	26.761.605.375
25	9. Chi phí bán hàng	29	4.469.552.415	7.188.557.501
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	47.395.571.736	71.106.222.467
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.307.654.499	100.236.673.032
31	12. Thu nhập khác	31	812.042.027	465.623.908
32	13. Chi phí khác	32	507.143.845	7.478.697.272
40	14. Lợi nhuận khác		304.898.182	(7.013.073.364)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		92.612.552.681	93.223.599.668
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	671.832.234	4.311.002.920
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>91.940.720.447</u>	<u>88.912.596.748</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		91.599.998.801	79.510.655.259
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		340.721.646	9.401.941.489
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	2.313	2.008

Phạm Thị Xuân Nhàn
Người lập

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

Phạm Thị Xuân Nhàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		92.612.552.681	93.223.599.668
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		39.926.997.491	42.908.708.022
03	- Các khoản dự phòng		469.298.375	742.286.375
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		17.777.948	83.347.147
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(137.022.502.984)	(81.733.284.637)
06	- Chi phí lãi vay		25.200.738.917	30.775.502.770
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.204.862.428	86.000.159.345
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		59.335.970.327	6.362.238.640
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.231.733.242)	(762.467.388)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.276.862.760	(20.169.413.932)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.032.949.002	4.674.929.043
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(596.784.588)	(44.437.319.578)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.936.711.134)	(30.675.788.229)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(356.402.506)	(31.251.652.662)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		78.729.013.047	(30.259.314.761)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(20.905.142.424)	(32.082.263.253)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	572.531.293
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(51.850.000.000)	(253.697.607.347)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.750.000.000	257.629.416.062
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	(14.799.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	64.539.420.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.111.855.710	70.973.816.533
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.893.286.714)	93.136.313.288
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		288.992.412.257	96.535.867.729
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(439.543.662.440)	(127.607.871.842)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(10.244.475.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(150.551.250.183)	(41.316.479.113)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(78.715.523.850)	21.560.519.414
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		95.434.940.264	73.874.420.850
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>16.719.416.414</u>	<u>95.434.940.264</u>


Phạm Thị Xuân Nhàn
Người lập

Phạm Thị Xuân Nhàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng tiền thân là Công ty Du lịch Lâm Đồng được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5800271921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/12/2013, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 396.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 396.000.007.122 đồng; tương đương 39.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 225 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 226 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; chi tiết: Hoạt động dịch vụ các khu danh lam, thắng cảnh, khu vui chơi, giải trí;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tour du lịch; chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, ô tô.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Do ảnh hưởng của dịch bệnh trong năm 2021, nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng và có biến động mạnh so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Du lịch Đồi Robin Đà Lạt	Lâm Đồng	99,00%	99,00%	Dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Khách sạn Nice Dream	Lâm Đồng	99,50%	99,50%	Dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Trang thiết bị kỹ thuật Y tế Tp. Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	96,94%	96,94%	Kinh doanh trang thiết bị kỹ thuật y tế
- Công ty Cổ phần Vận chuyển Chuyên Gia	Hồ Chí Minh	99,50%	99,50%	Dịch vụ vận chuyển
- Công ty TNHH MTV Giáo dục Phúc Yên	Phúc Yên	100,00%	100,00%	Giáo dục

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Không trích khấu hao

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

c) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và Nghị Định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính Phủ, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.053.147.540	933.094.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.558.370.874	67.601.845.771
Tiền đang chuyển	7.898.000	-
Các khoản tương đương tiền	100.000.000	26.900.000.000
	16.719.416.414	95.434.940.264

Tại ngày 31/12/2021 các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 100.000.000 đồng với lãi suất 3,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.463.330.263	-	1.774.700.370	-
	1.463.330.263	-	1.774.700.370	-

Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là:

- Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành, số tiền: 963.330.263 đồng, lãi suất từ 3,3% đến 4,9%/năm..

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 231.700.370 đồng đã được dùng để ký quỹ cho các khoản bảo lãnh từ ngân hàng

- Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Thủ Thiêm số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 4,8%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu						
+ Cổ phiếu GEX (194.360 cổ phiếu)	2.206.020.708	7.900.734.000	-	1.403.616.708	2.180.452.500	-
+ Công ty Cổ phần GTNFoods (mã GTN - 01 cổ phần)	14.522	20.000	-	14.522	27.300	-
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (mã HJS - 28.800 cổ phần)	887.539.315	907.200.000	-	887.539.315	1.094.400.000	-
+ Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (mã REE - 1.053.990 cổ phần)	43.344.160.851	72.830.709.000	-	43.549.780.263	51.837.560.500	-
	46.437.735.396	81.638.663.000	-	45.840.950.808	55.112.440.300	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021.

c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2021				01/01/2021			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND				VND
- Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	Hà Nội	24,96%	24,96%	691.198.433.702	Hà Nội	24,96%	24,96%	628.155.945.880
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	Hà Nội	22,49%	22,49%	116.831.051.084	Hà Nội	22,49%	22,49%	142.378.390.976
- Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt - Cát Bà					Hải Phòng	77,05%	48,67%	41.147.060.557
				808.029.484.786				811.681.397.413

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt	8.250.000.000	-	8.250.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt - Cát Bà	23.049.931.748	-	-	-
- Viện nghiên cứu rối loạn phát triển Việt - Hàn	1.000.000.000	-	-	-
	32.299.931.748	-	8.250.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt	Lâm Đồng	14,69%	14,69%	Vệ sinh môi trường, thiết kế hạ tầng cơ sở
- Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt - Cát Bà	Hải Phòng	55,73%	16,67%	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Tiêu điểm Châu Á	407.135.000	(203.567.500)	407.135.000	-
- Bệnh Viện Đa Khoa Kiên Giang	7.271.699.999	-	4.434.000.000	-
- Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	6.103.422.203	-	3.457.130.103	-
- Bệnh Viện Quận Thủ Đức	6.871.706.999	-	6.437.557.000	-
- Bệnh viện K	4.097.079.999	-	5.898.870.000	-
- Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Phú Thọ	2.378.258.000	-	2.306.674.000	-
- Phải thu khách hàng khác	35.726.293.004	(420.020.500)	44.574.640.990	(174.898.000)
	62.855.595.204	(623.588.000)	67.516.007.093	(174.898.000)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ningbo Greetmed Merdical Instruments Co., Ltd	102.214.940	-	242.245.283	-
- Trung tâm quản lý nhà TP Đà Lạt	-	-	378.000.000	-
- Công ty TNHH dịch vụ kế toán Đồng Hưng	-	-	1.200.000.000	-
- Công Ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Y Tế Bách Khoa	1.954.929.500	-	-	-
- Công ty TNHH Mỹ thuật Cát Bà	-	-	2.000.000.000	-
- Đối tượng khác	350.865.450	-	932.353.521	-
	2.408.009.890	-	4.752.598.804	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Sao Đà Lạt (1)	5.619.500.000	-	-	-
- Công ty CP Sao Đà Lạt Cát Bà (2)	198.288.000	-	148.288.000	-
- Bà Bùi Thị Hương Ly (3)	750.000.000	-	-	-
	<u>6.567.788.000</u>	<u>-</u>	<u>148.288.000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay và biên bản xác nhận bù trừ giữa các bên số 001.BT/SĐL-DLT-HLY và kèm theo các điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 5.619.500.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Lãi suất cho vay: 0,52%/ tháng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.619.500.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng cho vay tiền số 2020/HLT-SCB ngày 07/12/2020 và các Phụ lục kèm theo với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 198.288.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: 0,52%/ tháng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 198.288.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Hợp đồng cho vay tiền số 02.2020/HLT-HLY/HĐCV ngày 06/01/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: 7,2%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 750.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú thuộc sở hữu của ông Đặng Quốc Chính (bên đảm bảo).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	34.254.992.000	-	-	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	768.798.445	(103.253.750)	2.187.563.124	(82.645.375)
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	88.816	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	176.400	-
- Tạm ứng	1.137.533.950	-	2.181.925.218	-
- Ký cược, ký quỹ	392.918.600	-	763.507.048	-
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga	565.000.000	(565.000.000)	565.000.000	(565.000.000)
- Công ty CP Công nghệ Liên minh Sài Gòn Xanh	-	-	9.112.500.000	-
- Nguyễn Thị Bích Huệ	-	-	14.339.500.000	-
- Nguyễn Võ Lê Huy	-	-	1.131.975.000	-
- Phải thu khác	2.764.339.063	-	2.678.289.399	-
	39.883.670.874	(668.253.750)	32.960.436.189	(647.645.375)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	8.466.250.000	-	8.450.000.000	-
	8.466.250.000	-	8.450.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công Ty TNHH Dịch vụ và Du Lịch Alfa	80.257.000	-	80.257.000	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông di động Toàn Cầu	92.400.000	-	92.400.000	46.200.000
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga	681.107.500	12.853.750	681.107.500	33.462.125
- Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Anex Việt Nam	230.450.000	115.225.000	-	-
- Công ty TNHH Lữ hành Egas Misr Việt Nam	180.655.000	90.327.500	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tiêu điểm Châu Á	407.135.000	203.567.500	-	-
- Các khoản khác	43.911.000	2.100.000	48.441.000	-
	1.715.915.500	424.073.750	902.205.500	79.662.125

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	771.810.181	-	1.776.043.818	-
Công cụ, dụng cụ	4.912.282.231	-	5.433.758.711	-
Thành phẩm	-	-	9.334.230	-
Hàng hoá	12.331.488.586	-	8.564.710.997	-
	18.015.580.998	-	15.783.847.756	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	91.459.079.933	105.077.059.805	20.230.624.700	390.909.091	-	217.157.673.529
- Mua trong năm	54.380.364	214.000.000	2.682.713.637	-	211.870.000	3.162.964.001
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.170.686.627	21.107.701.522	7.460.818.180	-	-	37.739.206.329
- Giảm khác	-	(2.000.770)	-	-	-	(2.000.770)
- Phân loại lại	1.586.153.934	(1.586.153.934)	-	-	-	-
- Bán Công ty con	(21.894.387.110)	(930.943.596)	(944.649.727)	-	-	(23.769.980.433)
Số dư cuối năm	80.375.913.748	123.879.663.027	29.429.506.790	390.909.091	211.870.000	234.287.862.656
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	65.112.060.194	51.241.094.126	12.583.727.453	390.909.091	-	129.327.790.864
- Khấu hao trong năm	5.703.016.439	19.615.713.276	2.851.384.704	-	50.175.830	28.220.290.249
- Giảm khác	(258.042.671)	(360.928.435)	-	-	-	(618.971.106)
- Bán Công ty con	(13.964.425.719)	(626.331.622)	(463.354.715)	-	-	(15.054.112.056)
Số dư cuối năm	56.592.608.243	69.869.547.345	14.971.757.442	390.909.091	50.175.830	141.874.997.951
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	26.347.019.739	53.835.965.679	7.646.897.247	-	-	87.829.882.665
Tại ngày cuối năm	23.783.305.505	54.010.115.682	14.457.749.348	-	161.694.170	92.412.864.705

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 63.724.487.981 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.481.079.652 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án Khu du lịch LangBiang thuộc Công ty mẹ	-	195.002.443
- Cải tạo cảnh quan LangBiang	-	195.002.443
Dự án Khu du lịch Datanla thuộc Công ty mẹ	4.058.385.208	26.201.008.455
- Khu sinh thái Datanla	4.020.023.842	4.020.023.842
- Trình diễn ánh sáng máng trượt cũ	-	1.546.125.000
- Nâng cấp máng trượt cũ	-	20.380.488.976
- Tượng cảnh quan	38.361.366	-
- Hệ thống soát vé	-	254.370.637
Các dự án thuộc Văn phòng Công ty mẹ	30.938.500.050	30.595.727.133
- Dự án Zipline	30.938.500.050	29.969.527.691
- Dự án khác	-	626.199.442
Dự án thuộc Công ty Cổ phần Đồi Robin Đà Lạt	518.274.235	518.274.235
Dự án thuộc Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt	-	3.332.223.526
Dự án thuộc Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh	34.122.174.491	34.122.174.491
- Chi phí cải tạo, nâng cấp nhà (*)	34.122.174.491	34.122.174.491
Dự án khác	1.830.945.637	2.636.304.006
	71.468.279.621	97.600.714.289

(*) Dự án đầu tư xây dựng công trình "Phòng khám Đa khoa Cống Quỳnh - Khối xây dựng mới" tại địa chỉ 252 - 254 Cống Quỳnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; khởi công ngày 20/06/2013 với tổng giá trị dự toán ban đầu là 18.426.606.295 VND. Trong năm 2021, Công ty vẫn đang thực hiện điều chỉnh các dự toán chi tiết từng hạng mục phát sinh phù hợp với thực tế. Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ hoàn công dự án để đưa vào sử dụng.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.577.500.000	96.426.992	-	3.673.926.992
- Mua trong năm	-	-	168.880.000	168.880.000
- Bán Công ty con	(3.577.500.000)	-	-	(3.577.500.000)
Số dư cuối năm	-	96.426.992	168.880.000	265.306.992
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	96.426.992	-	96.426.992
- Khấu hao trong năm	-	-	33.776.000	33.776.000
Số dư cuối năm	-	96.426.992	33.776.000	130.202.992
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.577.500.000	-	-	3.577.500.000
Tại ngày cuối năm	-	-	135.104.000	135.104.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	41.325.210	357.928.207
Chi phí sửa chữa	203.485.601	152.441.134
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	98.869.701	153.590.852
	343.680.512	663.960.193
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.595.368.905	1.556.808.617
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.746.463.199	3.684.435.615
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	35.600.000	53.400.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	49.180.020	844.637.213
	3.426.612.124	6.139.281.445

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Nguyên giá		
- Số dư đầu năm	168.714.415.496	143.714.415.496
- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong năm (thuyết minh số 02)	-	25.000.000.000
- Số dư cuối năm	168.714.415.496	168.714.415.496
Số phân bổ lũy kế		
- Số dư đầu năm	72.830.965.552	35.165.482.776
- Số phân bổ, tổn thất trong năm	11.672.931.242	37.665.482.776
- Số dư cuối năm	84.503.896.794	72.830.965.552
Giá trị còn lại		
- Số dư đầu năm	95.883.449.944	108.548.932.720
- Số dư cuối năm	84.210.518.702	95.883.449.944

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Kevine Bunka	3.360.540.000	3.360.540.000	3.360.540.000	3.360.540.000
- HTX Dịch vụ Vận tải Lạc Dương	780.720.000	780.720.000	891.800.000	891.800.000
- Công ty CP Trang thiết bị Y tế Trọng Minh	40.730.325.401	40.730.325.401	43.034.451.752	43.034.451.752
- Công ty CP Xây dựng TM và DV Tân Trường Thịnh	2.463.222.431	2.463.222.431	2.633.222.431	2.633.222.431
- Công ty CP Đầu tư Nam Việt Thái Sơn	1.573.977.929	1.573.977.929	2.151.589.934	2.151.589.934
- Công ty TNHH Merck Việt Nam	6.858.285.830	6.858.285.830	2.097.174.318	2.097.174.318
- Phải trả các đối tượng khác	13.739.696.772	13.739.696.772	13.510.665.385	13.510.665.385
	69.506.768.363	69.506.768.363	67.679.443.820	67.679.443.820

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Du lịch và tổ chức sự kiện Dương Phong	3.600.000	132.000.000
Trung Tâm Y Tế Huyện Giồng Riềng	1.984.700.000	-
Bệnh Viện Nhi Đồng 2	149.689.600	-
Người mua trả tiền trước khác	550.094.642	775.524.678
	2.688.084.242	907.524.678

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	375.107.564	2.345.610.993	14.231.666.615	16.174.401.296	89.059.166	116.827.914
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	4.050.233	4.050.233	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	4.442.053	-	543.166.231	538.724.178	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.322.747.018	1.556.452.358	(282.054.249)	356.402.506	3.703.215.794	298.464.379
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.925.399.952	(2.616.692.408)	226.629.562	6.462.938	88.540.920
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	14.683.032	3.823.843.213	3.151.290.173	-	687.236.072
Các loại thuế khác	-	-	34.572.022	41.962.351	7.390.329	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	838.229.192	838.229.192	-	-
	4.702.296.635	6.842.146.335	16.576.780.849	21.331.689.491	3.806.128.227	1.191.069.285

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	12.079.866.233	3.815.838.450
- Chi phí hoa hồng	2.873.026.536	2.397.314.722
- Chi phí phải trả khác	320.079.621	20.000.000
	15.272.972.390	6.233.153.172

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	78.086.038	43.686.900
- Bảo hiểm xã hội	2.650.000	-
- Bảo hiểm y tế	477.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	106.000	-
- Phải trả về cổ phần hoá	210.005.705	210.005.705
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.237.273.421	3.690.127.421
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	94.023.172	94.023.172
- Khoản đánh giá lại tài sản góp vốn của cán bộ CNV (*)	1.636.313.078	1.636.313.078
- Vốn khấu hao của tài sản góp vốn cấp trực	1.103.000.000	1.103.000.000
- Quỹ Bảo Vệ Và Phát Triển Rừng Tỉnh Lâm Đồng	1.871.871.341	1.375.935.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.477.307.122	4.778.333.071
	11.711.112.877	12.931.424.787
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	826.000.000
- Huỳnh Thị Hạnh	-	2.000.000.000
- Nguyễn Võ Lê Huy	-	144.000.000
	-	2.970.000.000

(*) Phần chênh lệch tài sản đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của hệ thống máy trượt tương ứng với phần vốn góp của Cán bộ công nhân viên, theo hợp đồng hợp tác đầu tư theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty và Cán bộ công nhân viên từ trước thời điểm cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	7.664.731.003	7.664.731.003	90.224.412.257	97.749.143.260	140.000.000	140.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	7.524.731.003	7.524.731.003	40.224.412.257	47.749.143.260	-	-
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
- Công đoàn Công ty CP Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh	140.000.000	140.000.000	-	-	140.000.000	140.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.335.366.733	17.335.366.733	180.000.000	5.968.750.000	11.546.616.733	11.546.616.733
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.735.366.733	5.735.366.733	-	1.468.750.000	4.266.616.733	4.266.616.733
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	11.600.000.000	11.600.000.000	-	4.500.000.000	7.100.000.000	7.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Sài Gòn	-	-	180.000.000	-	180.000.000	180.000.000
	25.000.097.736	25.000.097.736	90.404.412.257	103.717.893.260	11.686.616.733	11.686.616.733

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.935.523.119	12.935.523.119	6.175.000.000	1.468.750.000	17.641.773.119	17.641.773.119
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	46.783.140.000	46.783.140.000	-	4.783.140.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Vay cá nhân	-	-	191.447.000.000	130.437.629.180	61.009.370.820	61.009.370.820
- Trái phiếu thường	204.754.000.000	204.754.000.000	246.000.000	205.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Sài Gòn	-	-	900.000.000	105.000.000	795.000.000	795.000.000
	264.472.663.119	264.472.663.119	198.768.000.000	341.794.519.180	121.446.143.939	121.446.143.939
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(17.335.366.733)	(17.335.366.733)			(11.546.616.733)	(11.546.616.733)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	247.137.296.386	247.137.296.386			109.899.527.206	109.899.527.206

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2021	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công đoàn Công ty CP Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Tp. HCM				140.000.000			
0027A/TDN/19LD	02/01/2021	140.000.000	140.000.000	Vay vốn lưu động	12 tháng	8%/năm	Tín chấp

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2021	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				17.641.773.119			
08/2017/590355/HĐTD	31/05/2017	10.500.000.000	10.131.083.326	Thực hiện dự án đầu tư Hệ thống Đu dây cáp trượt	60 tháng	9,9%/năm	Tài sản hình thành sau đầu tư của dự án "Hệ thống ziplines (đu dây trượt cáp)" tại Khu du lịch thác Datanla
01/2019/590355/HĐTD	25/11/2019	1.063.000.000	613.000.000	Đầu tư 01 xe ô tô con Vinfast Lux SA2.0	60 tháng	9,5%/năm	01 xe ô tô con Vinfast Lux SA2.0 mới 100% mang biển kiểm soát số 49A-299.97
01/2021/590355/HĐTD	15/04/2021	1.030.000.000	927.000.000	Đầu tư 01 xe ô tô Kia Sorento mới 100%	60 tháng	9,5%/năm	01 xe ô tô Kia Sorento mới 100% hình thành từ vốn vay
02/2021/590355/HĐTD	13/07/2021	5.145.000.000	4.887.750.000	Đầu tư 01 xe ô tô Isuzu mới 100%	60 tháng	9,5% năm	Hợp đồng bảo đảm giữa Công ty và Ngân hàng
01/2017/3339310/HĐTD	21/08/2017	708.000.000	94.400.000	Đầu tư 01 xe ô tô Toyota Fortuner mới 100%	60 tháng	9,5%/năm	01 xe Toyota Fortuner mới 100% hình thành từ vốn vay
01/2018/3339310/HĐTD	28/09/2017	612.000.000	214.200.000	Đầu tư 01 xe ô tô 16 chỗ Ford Transit mới 100%	60 tháng	8,5%/năm	01 xe Ford Transit mới 100% có biển kiểm soát mang số 51B-271.22
02/2018/3339310/HĐTD	08/10/2018	820.000.000	302.000.000	Đầu tư 01 xe ô tô Toyota Fortuner mới 100%	60 tháng	8,5%/năm	01 xe Toyota Fortuner mới 100% hình thành từ vốn vay
01/2019/3339310/HĐTD	11/02/2019	534.000.000	222.613.968	Đầu tư 01 xe ô tô 16 chỗ Ford Transit mới 100%	60 tháng	10,5%/năm	01 xe Ford Transit mới 100% hình thành từ vốn vay
02/2019/3339310/HĐTD	18/02/2019	576.000.000	249.725.825	Đầu tư 01 xe ô tô Kia Sorento mới 100%	60 tháng	10,5%/năm	01 xe Kia Sorento mới 100% hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2021	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam			42.000.000.000				
0043/TDN/16CD	10/10/2016	58.000.000.000	42.000.000.000	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án.	60 tháng	8%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Vay cá nhân			61.009.370.820				
02/2021/HLY-DTL/HĐCV	29/04/2021	170.000.000.000	61.009.370.820	Vay vốn lưu động	24 tháng	10,8%/năm	1.350.000 cổ phần của Công ty cổ phần Cơ Điện Trần Phú thuộc sở hữu của Công ty.
Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Sài Gòn			795.000.000				
SGN.DN.2714.170.521	20/05/2021	900.000.000	795.000.000	Vay mua xe ô tô con Sedona 3.3 GAT premium (mới 100%)	60 tháng	8,5%/năm	Xe ô tô Kia 51H - 95455, chủ sở hữu Công ty CP Vận chuyển chuyên gia

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	396.000.007.122	82.767.656.000	18.504.000.000	393.929.149.116	28.697.196.909	919.898.009.147
Lãi trong năm trước	-	-	-	79.510.655.259	9.401.941.489	88.912.596.748
Chi trả cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	(7.890.696.000)	(7.890.696.000)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	3.521.830.705	3.521.830.705
Thay đổi do mua thêm cổ phần MTS	-	-	-	(962.902.979)	-	(962.902.979)
Tăng khác	-	-	-	-	512.449.384	512.449.384
Số dư cuối năm trước	396.000.007.122	82.767.656.000	18.504.000.000	472.476.901.396	34.242.722.487	1.003.991.287.005
Số dư đầu năm nay	396.000.007.122	82.767.656.000	18.504.000.000	472.476.901.396	34.242.722.487	1.003.991.287.005
Lãi trong năm nay	-	-	-	91.599.998.801	340.721.646	91.940.720.447
Chi trả cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	(10.364.035.000)	(10.364.035.000)
Giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát Công ty CP Sao Đà Lạt sau khi thoái (1)	-	-	-	-	(22.474.094.327)	(22.474.094.327)
Số dư cuối năm nay	396.000.007.122	82.767.656.000	18.504.000.000	564.076.900.197	1.745.314.806	1.063.093.878.125

(1) Theo Nghị quyết số 10.2021/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 07/11/2021, Công ty bán toàn bộ cổ phần của Công ty CP Sao Đà Lạt do Công ty sở hữu cho các nhà Đầu tư khác. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty CP Sao Đà Lạt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch An Khang	52,91%	209.528.950.000	52,91%	209.528.950.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	11,71%	46.381.247.122	11,71%	46.381.247.122
Các cổ đông khác	35,38%	140.089.810.000	35,38%	140.089.810.000
	100%	396.000.007.122	100%	396.000.007.122

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	396.000.007.122	396.000.007.122
- Vốn góp đầu năm	396.000.007.122	396.000.007.122
- Vốn góp cuối năm	396.000.007.122	396.000.007.122

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	39.600.000	39.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.600.000	39.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.504.000.000	18.504.000.000
	18.504.000.000	18.504.000.000

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản theo hợp đồng thuê kho số 05/2018/HĐTK-HPC-MTS ngày 23/01/2018 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2018/PLHĐTK-HPC-MTS ngày 12/06/2018. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Từ 1 năm trở xuống	96.000.000	96.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	104.000.000	200.000.000
	200.000.000	296.000.000

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thửa số 170, tờ bản đồ số 04 Bộ địa chính phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc từ năm 2010 đến năm 2060. Diện tích khu đất thuê là 1.404 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho hằng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công nợ giai đoạn cổ phần hóa	-	139.265.952
- Bệnh viện Đa Khoa Sài Gòn	-	987.150.000
- Công Ty Cổ phần Thang máy Thuận An	8.730.000	-
	8.730.000	1.126.415.952

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	123.303.502.282	141.538.341.618
Doanh thu cung cấp dịch vụ	118.872.823.988	252.968.302.365
	242.176.326.270	394.506.643.983

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	217.324.463	994.812.845
Hàng bán bị trả lại	68.767.455	305.362.789
Giảm giá hàng bán	819.730.440	20.387.093
	1.105.822.358	1.320.562.727

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	108.984.192.615	128.232.738.655
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	99.496.286.737	144.292.301.031
	208.480.479.352	272.525.039.686

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.100.249.344	4.698.587.350
Lãi bán các khoản đầu tư	50.830.572.792	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.847.833.687	68.152.750.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.750.000	-
	99.808.405.823	72.851.337.350

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.200.738.917	30.775.502.770
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	10.756.570.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	127.111.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	17.777.948	83.347.147
Chi phí tài chính khác	250.982.029	-
	25.469.498.894	41.742.531.295

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.771.517	496.952.309
Chi phí nhân công	1.051.447.526	1.641.658.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.985.272	16.726.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.167.135	76.991.450
Chi phí khác bằng tiền	2.868.180.965	4.956.229.307
	4.469.552.415	7.188.557.501

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	485.910.085	487.235.142
Chi phí nhân công	13.494.924.451	16.366.268.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.141.355.810	1.824.980.749
Thuế, phí, lệ phí	3.315.775.421	59.673.032
Chi phí dự phòng	478.028.375	742.286.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.622.802.723	6.978.252.031
Chi phí khác bằng tiền	1.183.843.628	6.982.043.885
Phân bổ lợi thế thương mại	11.672.931.243	37.665.482.776
	47.395.571.736	71.106.222.467

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	96.742.295
Công nợ phải trả tồn đọng từ lâu	-	255.080.753
Thu tiền bồi thường	-	40.000.000
Thu nhập khác	812.042.027	73.800.860
	812.042.027	465.623.908

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	7.219.830.383
Các khoản bị phạt	495.823.856	236.807.108
Chi phí khác	11.319.989	22.059.781
	507.143.845	7.478.697.272

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	-	324.239.013
Công ty Cổ phần Du lịch Đồi Robin Đà Lạt	116.992.929	66.187.423
Công ty TNHH Dalat Safari	-	418.049.163
Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế TP. Hồ Chí Minh	175.164.790	-
Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt	123.050.712	3.396.124.815
Công ty Cổ phần Vận chuyển Chuyên Gia	256.623.803	106.402.506
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	671.832.234	4.311.002.920
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	311.594.306	-
Thuế TNDN của Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt và Công ty TNHH Dalat Safari sau khi thoả và sáp nhập	(1.265.480.789)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(2.766.294.660)	24.174.355.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(356.402.506)	(31.251.652.662)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(3.404.751.415)	(2.766.294.660)

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	91.599.998.801	79.510.655.259
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	91.599.998.801	79.510.655.259
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.600.000	39.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.313	2.008

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

921 -
TY
HÀN
LỊCH
I ĐƠN
T-T.L

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Đặng Quốc Chính	Chủ tịch	10.500.000	42.000.000
Ông Huỳnh Bình Thanh	Thành viên HĐQT	7.500.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thiên Tường	Thành viên HĐQT	170.300.236	234.622.333
Ông Trịnh Bá Dũng	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 22/06/2021	7.500.000	30.000.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	7.500.000	30.000.000
Bà Đặng Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	77.991.264	168.768.911
Ông Nguyễn Võ Lê Huy	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 22/06/2021	-	228.192.681
Bà Nguyễn Thị Kim Giang	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	282.943.425	358.735.676
Bà Lê Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	213.471.705	272.777.443
Ông Nguyễn Nhật Vũ	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/06/2020	224.938.539	270.823.528
Bà Tạ Thị Diệu Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	269.285.915	359.636.259

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Phạm Thị Xuân Nhàn
Người lập


Phạm Thị Xuân Nhàn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 04 năm 2022